

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Chiến	Ủy viên
Ông Văn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Chiến	Giám đốc
Bà Đào Mai Hương	Phó Giám đốc
Ông Văn Thanh Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Số. /AP.KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
 Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần May Thanh Trì

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính này được lập ngày 28/02/2011 từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Ngoài trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa lập báo cáo phân tích về hàng tồn kho chậm luân chuyển. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để kiểm tra khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá và xác nhận tính đầy đủ của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Khác biệt trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại mục Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi thuộc thuyết minh số 03 về chính sách kế toán phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản nợ của Công ty MAGNUM HK LTD với số tiền là 158.308.512 VND, đây là khoản công nợ phải thu phát sinh từ năm 2007. Nếu Công ty trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành thì số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2010

sẽ tăng thêm số tiền 158.308.512 VND và kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty sẽ giảm đi một số tiền tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết (nếu có) do ảnh hưởng của hạn chế về phạm vi kiểm toán và ảnh hưởng của vấn đề khác biệt trong xử lý kế toán nêu trên Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý tới các vấn đề sau:

- Như đã nêu tại mục Hàng tồn kho thuộc thuyết minh số 03 về chính sách kế toán phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty chưa phản ánh giá trị của các loại nguyên vật liệu nhận gia công trên số dư của khoản mục "Hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công" ngoài Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010.
- Như đã nêu tại mục Chi phí trả trước dài hạn thuộc thuyết minh số 03 về chính sách kế toán phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang phản ánh giá trị của lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được tạo ra trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp là Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản trên số dư khoản mục Chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 206.355.339 VND và phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm kể từ năm kể từ khi Công ty cổ phần chính thức hoạt động, số chi phí phân bổ hàng năm là 41.271.068 VND. Theo Công văn số 1560/BTC-TCT ngày 29/01/2011 của Tổng cục thuế về việc phân bổ lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế kinh doanh do đánh giá lại khi cổ phần hóa theo phương pháp tài sản chưa được phân bổ dần vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Như đã nêu tại mục Tài sản cố định hữu hình thuộc thuyết minh số 03 về chính sách kế toán và tại thuyết minh số 07 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2010 Công ty không trích khấu hao đối với những tài sản cố định hỏng và tài sản cố định kém chất lượng không sử dụng đang chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao như theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định với số tiền là 129.711.297 VND. Công ty đã thanh lý số tài sản cố định này vào tháng 12 năm 2010, toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định thanh lý được phản ánh vào khoản mục Chi phí khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.

Nguyễn Thương
Giám đốc Kiểm toán
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0308/KTV

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		16.324.351.810	9.937.745.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.671.923.392	1.604.786.347
1. Tiền	111		2.571.923.392	1.604.786.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.100.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	600.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.586.596.143	3.503.425.426
1. Phải thu của khách hàng	131		2.617.833.223	3.621.489.814
2. Trả trước cho người bán	132		13.068.553	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5	191.816.400	118.057.645
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(236.122.033)	(236.122.033)
IV. Hàng tồn kho	140	6	4.577.703.110	3.584.567.104
1. Hàng tồn kho	141		4.577.703.110	3.584.567.104
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.488.129.165	644.966.869
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.029.430.165	256.269.277
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.560.825	53.650.804
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		448.138.175	335.046.788
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		7.997.391.339	16.625.288.896
II. Tài sản cố định	220		7.659.342.746	10.335.580.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7.659.342.746	10.335.580.415
- Nguyên giá	222		41.715.914.710	46.273.119.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.056.571.964)	(35.937.539.032)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.180.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	-	5.100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	80.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		338.048.593	1.109.708.481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	338.048.593	1.109.708.481
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		24.321.743.149	26.563.034.642

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		3.763.260.900	5.361.031.658
I. Nợ ngắn hạn	310		3.763.260.900	5.361.031.658
2. Phải trả cho người bán	312		642.492.317	2.295.495.085
3. Người mua trả tiền trước	313		952.048.303	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	15.905.660	2.103.475
5. Phải trả người lao động	315		1.565.832.617	2.134.836.949
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	486.584.973	907.883.018
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		100.397.030	20.713.131
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		20.558.482.249	21.202.002.984
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	20.558.482.249	21.202.002.984
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(300.000.000)	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(16.680.432)	(58.256.206)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		362.071.630	319.362.131
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		181.035.816	159.681.066
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		332.055.235	781.215.993
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		24.321.743.149	26.563.034.642

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại USD		9.946,47	26.359,19

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	47.249.254.253	45.729.838.157
2. Các khoản giảm trừ	02	13	-	14.544.192
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	47.249.254.253	45.715.293.965
4. Giá vốn hàng bán	11	14	37.154.036.992	31.834.975.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.095.217.261	13.880.318.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	663.684.331	488.553.278
7. Chi phí tài chính	22	16	455.752.304	40.998.204
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>155.165.977</i>	
8. Chi phí bán hàng	24		1.450.992.208	1.588.399.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.351.609.299	11.230.102.941
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		500.547.781	1.509.371.024
11. Thu nhập khác	31		589.694.885	13.063.536
12. Chi phí khác	32		520.782.679	112.639.638
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		68.912.206	(99.576.102)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		569.459.987	1.409.794.922
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	142.364.997	368.190.009
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		427.094.990	1.041.604.913
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	215,705	520,802

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm	
		2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	569.459.987	1.409.794.922
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	2.356.532.127	2.362.374.631
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(353.183.376)	(88.358.531)
Chi phí lãi vay	06	155.165.977	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.727.974.715	3.683.811.022
Tăng (giảm) các khoản phải thu	09	86.430.141	2.863.817.905
Tăng (giảm) hàng tồn kho	10	(993.136.006)	419.579.007
Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.691.732.016)	(4.061.977.544)
Tăng (giảm) Chi phí trả trước	12	771.659.888	1.405.855.617
Tiền lãi vay đã trả	13	(155.165.977)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(99.275.018)	(1.101.030.336)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45.919.400	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.945.000)	(1.640.787.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	683.730.127	1.569.268.062
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(177.272.728)	(1.878.220.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	558.990.000	5.145.454
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	680.000.000	30.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.100.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	291.171.646	44.734.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.452.888.918	(2.248.341.028)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	(300.000.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.860.332.762	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.860.332.762)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(769.482.000)	(1.144.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.069.482.000)	(1.144.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	6.067.137.045	(1.823.072.966)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.604.786.347	3.442.772.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(14.913.592)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	7.671.923.392	1.604.786.347

Nguyễn Thị Chiến
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội theo Quyết định số 1397/QĐ - UBND ngày 18/04/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24 tháng 04 năm 2008. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn Điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tương ứng 2.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông Nhà nước là Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nắm giữ 1.060.000 cổ phần tương ứng với 10.600.000.000 đồng chiếm 53% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 940.000 cổ phần tương ứng với 9.400.000.000 đồng chiếm 47% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại Km số 11 Quốc lộ 1A, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 505 người (tại 31/12/2009: 623 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, mua bán các mặt hàng dệt, may mặc, thêu, ren;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), may mặc;
- Mua bán, lắp ráp phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, xe gắn máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Mua bán điện thoại và thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị;
- Du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Dịch vụ các câu lạc bộ thể dục, thể thao, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Mua bán, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm thiết kế công trình);
- Giao nhận, chuyển phát hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô (theo hợp đồng);
- Đào tạo, dạy nghề may, thêu, sửa chữa thiết bị điện, điện tử, thiết bị viễn thông (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng, giới thiệu lao động trong nước (không bao gồm dịch vụ cung ứng, giới thiệu lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)/.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản đầu tư mà Công ty có quyền kiểm soát các công ty mà Công ty đã đầu tư. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc tại Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần May Thanh Trì. Trong năm 2010, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần May Haprosimex-Giao Thủy cho Công ty Thời trang thể thao theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/9/2010 với giá trị chuyển nhượng là 5.100.000.000 đồng, tương ứng với 510.000 cổ phần.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với các khoản nợ có bằng chứng về việc không thể thu hồi được.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản nợ của Công ty MAGNUM HK LTD với số tiền là 158.308.512 VND như theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn “*Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”. Khoản công nợ phải thu này phát sinh từ năm 2007.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc; trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm và theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tại thời điểm kết thúc năm 2010, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và so sánh với giá gốc để phản ánh theo giá thấp hơn theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã được đánh giá lại theo quyết định của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thì nguyên giá tài sản cố định được xác định theo giá trị đã đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định hữu hình khác	5

Trong năm 2010, Công ty không trích khấu hao đối với những tài sản cố định hỏng và tài sản cố định kém chất lượng không sử dụng đang chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao như theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định với số tiền là 129.711.297 VND. Công ty đã thanh lý số tài sản cố định này vào tháng 12 năm 2010. Theo đó, toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định thanh lý được phản ánh vào khoản mục Chi phí khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Giá trị của lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được tạo ra trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp là Xi nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì để cổ phần hóa; Giá trị các vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ; chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong thời hạn từ một năm trở lên.

- Giá trị lợi thế địa lý và lợi thế kinh doanh được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm kể từ khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động với chi phí phân bổ hàng năm là 41.271.068 VND. Theo Công văn số 1560/BTC-TCT ngày 29/01/2011 của Tổng cục thuế về việc phân bổ lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế kinh doanh do đánh giá lại khi cổ phần hóa theo phương pháp tài sản chưa được phân bổ dần vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tiền thuê kho, thuê cửa hàng năm 2011 được thanh toán trước trong năm 2010.
- Vật tư, phụ tùng thay thế: được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Công cụ, dụng cụ: phân bổ 50% giá trị vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi xuất dùng và phân bổ nốt 50% giá trị còn lại khi báo hỏng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các khoản tiền gửi và lãi suất thực tế theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản công nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được phản ánh trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	129.777.371	749.461.241
Tiền gửi ngân hàng	2.442.146.021	855.325.106
Các khoản tương đương tiền (*)	5.100.000.000	-
Cộng	7.671.923.392	1.604.786.347

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nam Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 24/12/2010/HDVV-NHN ngày 24/12/2010 với số tiền là 5.100.000.000 đồng, lãi suất gửi 14%/năm, thời hạn 1 tháng (từ 24/12/2010 đến 24/01/2011).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi cho vay	190.820.000	88.153.333
Phải thu khác	996.400	29.904.312
Cộng	191.816.400	118.057.645

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.013.421.112	1.021.722.206
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.035.093.103	2.190.895.890
Thành phẩm	528.611.012	371.109.387
Hàng hoá	577.883	839.621
Cộng	4.577.703.110	3.584.567.104
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.577.703.110	3.584.567.104

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2010	7.288.821.723	32.858.039.074	3.577.164.301	665.493.392	1.883.600.957	46.273.119.447
Tăng trong năm	-	177.272.728	-	-	-	177.272.728
Mua sắm mới	-	177.272.728	-	-	-	177.272.728
Giảm trong năm	-	4.734.477.465	-	-	-	4.734.477.465
Thanh lý, nhượng bán	-	4.734.477.465	-	-	-	4.734.477.465
Tại 31/12/2010	7.288.821.723	28.300.834.337	3.577.164.301	665.493.392	1.883.600.957	41.715.914.710
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại 01/01/2010	6.744.652.903	25.185.385.090	1.905.075.569	463.692.637	1.638.732.833	35.937.539.032
Tăng trong năm	41.069.346	1.884.883.249	308.283.646	46.951.847	75.344.039	2.356.532.127
Khấu hao trong năm	41.069.346	1.884.883.249	308.283.646	46.951.847	75.344.039	2.356.532.127
Giảm trong năm	-	4.237.499.195	-	-	-	4.237.499.195
Thanh lý, nhượng bán	-	4.237.499.195	-	-	-	4.237.499.195
Tại 31/12/2010	6.785.722.249	22.832.769.144	2.213.359.215	510.644.484	1.714.076.872	34.056.571.964
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	544.168.820	7.672.653.984	1.672.088.732	201.800.755	244.868.124	10.335.580.415
Tại 31/12/2010	503.099.474	5.468.065.193	1.363.805.086	154.848.908	169.524.085	7.659.342.746

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 2.633.983.087 VND (31/12/2009: 2.502.750.523 VND).

Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2010 với số tiền 2.356.532.127 VND không bao gồm chi phí khấu hao của các tài sản cố định đã thanh lý vào tháng 12 năm 2010 với số tiền là 129.711.297 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trong năm 2010, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần May Haprosimex-Giao Thủy cho Công ty Thời trang thể thao theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/9/2010 với giá trị chuyển nhượng là 5.100.000.000 đồng, tương ứng với 510.000 cổ phần.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.109.708.481	2.515.564.098
Tăng	945.625.773	828.444.148
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.717.285.661	2.234.299.765
Tại ngày 31 tháng 12	338.048.593	1.109.708.481

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	15.905.660	2.103.475
Cộng	15.905.660	2.103.475

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	155.561.246	632.639.058
Bảo hiểm xã hội	61.978.986	24.605.219
Các khoản phải trả khác	269.044.741	250.638.741
Cộng	486.584.973	907.883.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2009	20.000.000.000	-	-	107.600.820	215.201.640	1.144.012.308	21.466.814.768
Tăng trong năm	-	-	-	52.080.246	104.160.491	1.041.604.913	1.197.845.650
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	1.041.604.913	1.041.604.913
- Trích quỹ	-	-	-	52.080.246	104.160.491	-	156.240.737
Giảm trong năm	-	-	58.256.206	-	-	1.404.401.228	1.462.657.434
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	260.401.228	260.401.228
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.144.000.000	1.144.000.000
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	58.256.206	-	-	-	58.256.206
Tại ngày 01/01/2010	20.000.000.000	-	(58.256.206)	159.681.066	319.362.131	781.215.993	21.202.002.984
Tăng trong năm	-	(300.000.000)	151.740.291	21.354.750	42.709.499	427.094.990	342.899.530
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	427.094.990	427.094.990
- Trích quỹ	-	-	-	21.354.750	42.709.499	-	64.064.249
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(300.000.000)	-	-	-	-	(300.000.000)
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	151.740.291	-	-	-	151.740.291
Giảm trong năm	-	-	110.164.517	-	-	876.255.748	986.420.265
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	106.773.748	106.773.748
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	769.482.000	769.482.000
- Chênh lệch tỷ giá	-	-	110.164.517	-	-	-	110.164.517
Số dư tại ngày 31/12/2010	20.000.000.000	(300.000.000)	(16.680.432)	181.035.816	362.071.630	332.055.235	20.558.482.249

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được tạm trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 42.709.499 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: 21.354.750 đồng, tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 42.709.499 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26/04/2010, lợi nhuận để lại năm 2009 được chia cho các cổ đông tương ứng 3,906% vốn điều lệ, tương đương 781.200.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã thanh toán 769.482.000 đồng tiền cổ tức cho các cổ đông. Số cổ tức còn lại chưa chi trả là 11.718.000 đồng tương ứng với với lượng cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại trong năm 2010.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	53%	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47%	9.400.000.000	9.400.000.000
Cộng		20.000.000.000	20.000.000.000

13. DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	47.249.254.253	45.729.838.157
Cộng	47.249.254.253	45.729.838.157
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	14.544.192
Doanh thu thuần	47.249.254.253	45.715.293.965

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng bán	37.154.036.992	31.834.975.496
Cộng	37.154.036.992	31.834.975.496

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	256.271.646	120.137.601
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	34.900.000	12.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	372.512.685	355.665.677
Cộng	663.684.331	488.553.278

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	155.165.977	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	300.586.327	40.892.304
Chi phí tài chính khác	-	105.900
Cộng	455.752.304	40.998.204
17. LỢI NHUẬN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	558.990.000	5.145.454
Thu nhập khác	30.704.885	7.918.082
Cộng	589.694.885	13.063.536
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	496.978.271	-
Chi phí khác	23.804.408	112.639.638
Cộng	520.782.679	112.639.638
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	68.912.206	(99.576.102)
18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	569.459.987	1.409.794.922
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	569.459.987	1.409.794.922
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	142.364.997	352.448.731

19. CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 09-DN**

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	30.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.970.000	2.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.970.000</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận sau thuế	427.094.990	1.041.604.913
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	1.980.000	2.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	427.094.990	1.041.604.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	215,70	520,80

21. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch quan trọng với bên liên quan sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Sản xuất xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	-	231.870.400
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	-	93.223.597
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	3.001.770.904	1.690.217.152
Công ty Cổ phần May Haprosimex Giao Thủy	143.076.780	313.026.000

21. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Các khoản phải trả</i>		
Nhà máy Dệt kim Haprosimex	10.904.277	936.803.402

22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 10/02/2011 đã quyết định Công ty sẽ thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới để mở rộng sản xuất tại Khu Công nghiệp Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Dự án này dự kiến sẽ được khởi công xây dựng từ quý I năm 2011 và hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh vào cuối quý IV năm 2011 với tổng mức đầu tư dự kiến tối đa là 37,5 tỷ đồng, diện tích 5.000 m².

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy trên Báo cáo kiểm toán năm 2009 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.